

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2018

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tiến Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Hạnh

Ông Vũ Xuân Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Nhung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018 về việc “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị B - Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Lê Văn T - Sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị B, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Vũ Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị chung sống với anh Lê Văn T từ tháng 2 năm 1991 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị và anh T chung sống hòa thuận đến tháng 4 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống của vợ chồng trái ngược nhau. Chị và anh T sống ly T từ tháng 4 năm 2016 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Lê Văn N - Sinh năm 1992 và cháu Lê Thị L - Sinh năm 1997; cả hai cháu đã trưởng thành và tự lập được nên không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh T có 01 nhà mái bằng diện tích 90 m²; công trình phụ xây trên thửa đất có diện tích 341 m² tại thửa số 34 tờ bản đồ số 42 tại thôn T xã B và 01 máy gặt. Chị B đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung theo quy định của pháp luật. Về nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình làm việc tại Tòa án, chị B không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc, bị đơn anh Lê Văn T trình bày:

Anh và chị Vũ Thị B chung sống với nhau từ tháng 2 năm 1991 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh và chị B chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống; chị B tự ý bỏ nhà đi nên vợ chồng sống ly T từ tháng 4 năm 2016 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đồng ý với việc xin ly hôn của chị B.

Về con chung: Anh và chị B có 02 con chung như chị B trình bày là đúng; cả hai cháu đã trưởng thành và tự lập được nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh và chị B tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị B và anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Vũ Thị B và anh Lê Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại thôn Tổng Văn Trân, xã Yên Bằng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị B và anh Lê Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 2 năm 1991 cho đến nay, sau khi tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, anh chị chung sống hòa thuận đến tháng 4 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của vợ chồng trái ngược nhau. Anh chị sống ly T từ tháng 4 năm 2016 cho đến nay, chị B và anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được và đề nghị Tòa án giải quyết để anh chị được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy chị Vũ Thị B và anh Lê Văn T có đủ điều kiện kết hôn theo luật định, nhưng không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng; do vậy đây là hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị B xin ly hôn, căn cứ vào Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị B và anh Lê Văn T.

[3]. Về con chung: Chị Vũ Thị B và anh Lê Văn T đều xác định có hai con chung là cháu Lê Văn N - Sinh năm 1992 và cháu Lê Thị L - Sinh năm 1997; cả hai cháu đã trưởng thành và tự lập được nên không đề nghị Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị B và anh Lê Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Vũ Thị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị B và anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Chị Vũ Thị B và anh Lê Văn T đều xác định có hai con chung là cháu Lê Văn N - Sinh năm 1992 và cháu Lê Thị L - Sinh năm 1997; cả hai cháu đã trưởng thành và tự lập được nên không đề nghị Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị Vũ Thị B và anh Lê Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị B phải nộp 300.000đ, đối trừ với số tiền 5.300.000đ chị B đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BB/2012/08438, ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị B được hoàn lại 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Chị Vũ Thị B, anh Lê Văn T được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu: HS, VP.

(đã ký)

Vũ Tiến Mãn

